

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2023

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Diện – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023; Thông báo tiếp tục phiên tòa số 05/TB-TA ngày 10/10/2023; Thông báo tiếp tục phiên tòa số 11/TB-TA ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số H L, Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P và ông Trần Văn V - Luật sư, Văn phòng L4, ông P và ông V có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Hồ Sỹ H**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số F N, Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Thương mại cổ phần C**; Địa chỉ: Số A T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Ngọc K - Trưởng phòng G, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q (*Văn bản ủy quyền số*

1116/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C), ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2022, tại các phiên hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Sỹ H đăng ký kết hôn ngày 26/7/2004 tại U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01 ngày 26/7/2004). Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông H thường xuyên gây gổ, không tôn trọng vợ, đánh đập vợ nên bà T đã đưa các con rời khỏi nhà, thuê nhà để mẹ con ở riêng từ tháng 8/2022 đến nay. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Sỹ H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: cháu Hồ Sỹ Hải L, sinh ngày 20/01/2005; các cháu Hồ Sỹ Tùng L1, Hồ Sỹ Nhật L2, Hồ Sỹ Khánh L3 đều sinh ngày 18/11/2010. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu Tùng L1, N, K; yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.200.000 đồng cho mỗi cháu. Cháu Hồ Sỹ Hải L, sinh ngày 20/01/2005 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: Quyền sử dụng thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m², địa chỉ thửa đất: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 188074 ngày 22/7/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T và 01 (một) nhà ở cấp 4 gắn liền với đất có diện tích xây dựng khoảng 05m x 25m.

Kết quả thẩm định giá: Trị giá nhà và đất: **2.301.361.000** đồng (Hai tỷ ba trăm lẻ một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng); trong đó giá đất: 2.154.844.800 đồng; giá nhà 146.516.200 đồng.

+ Nợ chung: Hiện tại, vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C số tiền 357.200.000 đồng và lãi tính đến ngày 26/12/2023 là: 55.661.859 đồng, lãi phạt: 2.315.390 đồng, tổng cộng; **415.177.249** đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) theo Hợp đồng cho vay số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Q - Phòng G, địa chỉ: Số B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ngoài khoản nợ Ngân hàng, vợ chồng không còn nợ ai khác.

Bà T có nguyện vọng chia đôi tài sản chung mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản, nợ chung mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ và xin được nhận bằng hiện vật là

quyền sử dụng đất và nhà ở. Đồng thời có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Sau khi trừ đi số tiền nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà T sẽ giao lại phần giá trị chênh lệch tài sản bằng tiền mặt cho ông Hồ Sỹ H.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 08/9/2022, tại phiên hòa giải bị đơn ông Hồ Sỹ H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông H và bà Nguyễn Thị Thanh T đã thống nhất đối với vấn đề ly hôn, quá trình kết hôn, chung sống và xảy ra mâu thuẫn như trình bày của bà T là đúng, ông H cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 04 con chung như bà T trình bày là đúng. Về trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà giải quyết chia đôi; mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 cháu. Ông H nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hồ Sỹ Khánh L3 (tên thường gọi là B) và cháu Hồ Sỹ Nhật L2 (tên thường gọi là B1); về cấp dưỡng con chung: Không yêu cầu đối với trách nhiệm cấp dưỡng từ 2 phía.

- *Về tài sản chung và nợ chung:*

+ Về quan điểm: Thống nhất phân chia theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nguồn gốc tài sản là ngôi nhà tại vị trí số F, Nguyễn Chí T1, khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 188074 ngày 22/7/2008 do UBND thành phố Đ cấp mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T và tài sản gắn liền với đất nhà cấp 4 có diện tích xây dựng khoảng 05m x 25m. Tài sản nêu trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, về nguồn gốc và quá trình hình thành tài sản nói trên là do anh trai của ông H là ông Hồ Sỹ T2 cho vay tiền để mua. Hiện nay, cả ông H và bà Nguyễn Thị Thanh T chưa hoàn trả lại cho ông Hồ Sỹ T2 số tiền mua tài sản trên. Trong quá trình thế chấp tài sản trên đối với Ngân hàng, ông Hồ Sỹ T2 đều thực hiện nghĩa vụ tài chính với Ngân hàng cho vay. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xem xét lại nguồn gốc, mức đóng góp trong quá trình tạo lập tài sản nêu trên. Đối với giá trị tài sản: Đề nghị hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì mời đơn vị định giá để đảm bảo tính khách quan và làm cơ sở phân chia tài sản.

Ông H có nguyện vọng được nhận hiện vật là thửa đất và tài sản gắn với đất nói trên để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính với ông Hồ Sỹ T2.

Văn bản số 180 ngày 29 tháng 7 năm 2022, ngày 26/12/2023, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C trình bày:

Vợ chồng ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G, số tiền cho vay là 500.000.000 đồng. Dư nợ gốc hiện tại của khoản vay là: 357.200.000 đồng và lãi cộng dồn tính đến ngày 26/12/2023 là:

55.661.859 đồng, lãi phạt cộng dồn: 2.315.390 đồng. Tổng cộng; **415.177.249** đồng. Để đảm bảo số tiền vay trên, ông Hồ Sỹ H - bà Nguyễn Thị Thanh T và Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC ngày 24/8/2015, cụ thể: Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m², địa chỉ thửa đất: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 188074 vào sổ cấp giấy số “H” 00330 ngày 22/07/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T. Khoản nợ vay đến nay đã quá hạn. Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị buộc ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 26/12/2023 là: 415.177.249 đồng. Trong đó: Nợ gốc hiện tại của khoản vay là: 357.200.000 đồng; nợ lãi cộng dồn tính đến ngày 26/12/2023 là: 55.661.859 đồng, lãi phạt cộng dồn tính đến ngày 26/12/2023 là: 2.315.390 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 cho đến khi trả hết nợ tất toán hợp đồng.

Trường hợp, ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC ngày 24/08/2015 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G và ông Hồ Sỹ H - bà Nguyễn Thị Thanh T.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, ông Hồ Sỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng đầy đủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Hồ Sỹ T2 có đơn yêu cầu độc lập nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Nên, Tòa án đã ban hành thông báo trả lại đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông T2 có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và 83; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Hồ Sỹ H. Về con chung:

Giao các con chung: Hồ Sỹ Tùng Lâm; Hồ Sỹ Nhật L2; Hồ Sỹ Khánh L3 đều sinh ngày 18/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ông Hồ Sỹ H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho mỗi cháu (Tổng 3.600.000 đồng/tháng/03 con). Về tài sản chung: Giao cho bà T sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m², địa chỉ thửa đất: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 188074 vào sổ cấp giấy số “H” 00330 ngày 22/07/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T và ngôi nhà xây gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên. Bà T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ vay tính đến ngày 26/12/2023 là: 415.177.249 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 357.200.000 đồng; nợ lãi là: 55.661.859 đồng, lãi phạt là: 2.315.390 đồng cho Ngân hàng TMCP C và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 cho đến khi trả hết nợ tất toán hợp đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC ngày 24/08/2015 đã ký kết giữa: Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G và ông Hồ Sỹ H - bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà T có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch về tài sản cho ông H. Về chi phí tố tụng: Bà T, ông H đều phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, bà T và ông H phải chịu án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Sỹ H là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà theo quy định tại Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Ông Hồ Sỹ H đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Sỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố Đ đăng ký ngày 26/7/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống Ông, Bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai bên đều thừa nhận mâu thuẫn đã hết sức căng thẳng, từ tháng 8 năm 2022, bà T đã rời khỏi ngôi nhà chung đưa các con ra ngoài thuê nhà ở riêng. Vợ chồng không còn yêu thương, gắn kết với nhau, không thể khắc phục được mâu thuẫn. Cả hai đều mong muốn được ly hôn.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, được biết: Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Hồ Sỹ H mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn chung sống cùng với nhau.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau, nhưng cả hai ông bà không còn yêu thương nhau nữa, tình trạng hôn nhân giữa ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Thanh T, xử cho bà T được ly hôn ông Hồ Sỹ H.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng bà T, ông H có 04 con chung gồm: Hồ Sỹ Hải L, sinh ngày 20/01/2005 (đã thành niên); Hồ Sỹ Tùng L1; Hồ Sỹ Nhật L2 và Hồ Sỹ Khánh L3, đều sinh cùng ngày 18/11/2010. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu Tùng L1, N, Khánh L3 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi cháu là 1.200.000 đồng mỗi tháng .

Ông H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu: Hồ Sỹ Khánh L3 và Hồ Sỹ Nhật L2, cùng sinh ngày 18/11/2010.

Thấy rằng: Các cháu Hồ Sỹ Tùng L1; Hồ Sỹ Nhật L2 và Hồ Sỹ Khánh L3, đều sinh cùng ngày 18/11/2010 là 03 cháu được sinh cùng nhau và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Từ sau khi mâu thuẫn xảy ra cả 03 cháu đã rời khỏi nhà cùng với bà T. Bản thân bà T đang một mình nuôi dưỡng các con, trong suốt thời gian qua, các cháu vẫn được học tập, ngoan ngoãn, đều đạt thành tích trong học tập loại giỏi.

Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của các cháu, nhất là các cháu đều được sinh ra cùng nhau, lớn lên cùng nhau và đang độ tuổi mới lớn, tâm sinh lý có nhiều thay đổi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nên để cho cả 03 cháu tiếp tục chung sống với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau trong đời sống, sinh hoạt, học tập là cần thiết và đảm bảo được quyền lợi của con chưa thành niên. Xét nguyện vọng các cháu đều mong muốn được tiếp tục ở với mẹ nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu là hoàn toàn hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Hiện tại, thu nhập của bà T là 5.718.000 đồng ((lương cơ bản 1.800.000 đồng x hệ số 2,61) và thu nhập từ làm hợp đồng làm thêm ngoài giờ: 3.000.000đ/tháng; thu nhập của ông H là 10.665.000 đồng (lương cơ

bản 1.800.000 đồng x hệ số 4,74). Nuôi con là nghĩa vụ chung của vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, đồng thời là quyền lợi của các con chưa thành niên. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 03 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.200.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với cháu Hồ Sỹ Hải L, sinh ngày 25/01/2005, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Hồ Sỹ Hải L đã thành niên và có văn bản trình bày đề nghị Tòa án không xem xét vấn đề nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn. Đề nghị của cháu là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Sỹ Hải L.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

* Tài sản chung của vợ chồng gồm có: Quyền sử dụng đất thửa số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m², địa chỉ thửa đất: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 188074 ngày 22/7/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T và 01 (một) nhà ở xây dựng gắn liền với thửa đất nói trên. Kết quả thẩm định giá: Chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 19/5/2023 của Công ty cổ phần T3 (EXIMA); địa chỉ: A T, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Xác định trị giá nhà và đất nêu trên là: 2.301.361.000 đồng; trong đó giá đất: 2.154.844.800 đồng; giá nhà 146.516.200 đồng.

* Nợ chung: Hiện tại, vợ chồng ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 26/12/2023 là: 415.177.249 đồng. Trong đó: Nợ gốc hiện tại của khoản vay là: 357.200.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 26/12/2023 là: 55.661.859 đồng, lãi phạt tính đến ngày 26/12/2023 là: 2.315.390 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019.

Bà T có nguyện vọng chia đôi giá trị tài sản chung và mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ trên cho Ngân hàng. Đồng thời, bà T có nguyện vọng được sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất, có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Q - Phòng G, sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ, bà T có nghĩa vụ giao cho ông H số tiền chênh lệch được hưởng từ việc phân chia tài sản.

Ông H cho rằng: Vợ chồng có khối tài sản như bà T trình bày là đúng, là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, nguồn gốc hình thành tài sản là vợ chồng vay tiền của ông Hồ Sỹ T2 anh trai của ông H nên đề nghị Tòa án xem xét lại nguồn gốc, mức đóng góp trong quá trình tạo lập tài sản nêu trên và ông H được nhận hiện vật là thửa đất và tài sản gắn với đất.

Thấy rằng: Bà T và ông H đều thừa nhận khi mua tài sản quyền sử dụng đất thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AL 188074 ngày 22/7/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T và 01 (một) nhà ở xây dựng gắn liền với thửa đất vợ chồng đã vay của ông Hồ Sỹ T2 số tiền 240.000.000 đồng. Ông H đề nghị xem xét công sức đóng góp trong quá trình tạo lập ra tài sản chung nhưng không đưa ra được tài liệu để chứng minh ai là người có công sức đóng góp nhiều hơn, ngoài việc vợ chồng có mượn của ông Hồ Sỹ T2 một khoản tiền để mua nhà và đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay mượn tiền của người thân, hay của tổ chức tín dụng để mua sắm tài sản đều là quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, không phải là sự đóng góp của bên nào nhiều hơn bên nào. Mặt khác: Từ ngày 28/8/2008 đến ngày 06/9/2014, ông H bà T đã sử dụng khối tài sản quyền sử dụng đất và nhà nói trên thuộc quyền sở hữu của mình để thế chấp, bảo lãnh, đảm bảo cho ông Hồ Sỹ T2 và Công ty Cổ phần T4 do ông Hồ Sỹ T2 đại diện vay vốn tại nhiều Ngân hàng. Như vậy, việc hỗ trợ qua lại cho nhau là thể hiện tình tương thân, tương ái trong cuộc sống cũng như giúp đỡ nhau của anh em trong gia đình. Do đó, không có căn cứ đánh giá nhờ vào việc ông Hồ Sỹ T2 đã cho ông H bà T vay tiền để mua nhà và đất là công sức đóng góp hình thành nên tài sản của ông H cao hơn bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần áp dụng nguyên tắc của Luật hôn nhân gia đình: “*Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi*”. Mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản và có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ.

Bà T và ông H đều có nguyện vọng được nhận tài sản. Tuy nhiên, xem xét về hoàn cảnh của vợ, chồng, quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, thấy rằng: Các con chung của bà T và ông H đều còn đang độ tuổi đi học, cần có không gian để ổn định sinh sống, học tập nên giao cho bà T được nhận tài sản là hiện vật để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt hơn.

Xem xét về hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 giữa: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Sỹ H với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q- Phòng G; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G và ông Hồ Sỹ H, bà Nguyễn Thị Thanh T ngày 24/08/2015. Các hợp đồng trên đều đảm bảo về mặt chủ thể, hình thức và nội dung, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đã đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm nên bên được giao nhận tài sản đang thế chấp bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng phải có nghĩa vụ trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng TMCP C với tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 26/12/2023 là: **415.177.249** đồng. Trong đó: Nợ gốc hiện tại của khoản vay là: 357.200.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 26/12/2023 là: 55.661.859 đồng, lãi phạt tính đến ngày 26/12/2023 là: 2.315.390 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019. Bà T là người được nhận tài sản là hiện vật nên có nghĩa vụ trực tiếp trả toàn bộ số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng và tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại

hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019, kể từ ngày 27/12/2023 cho đến khi trả hết nợ, tất toán hợp đồng.

Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G và ông Hồ Sỹ H - bà Nguyễn Thị Thanh T ký kết ngày 24/08/2015.

Bà T có nghĩa vụ giao lại cho ông Hồ Sỹ H số tiền giá trị tài sản sau khi đã cân trừ đi nghĩa vụ trả nợ là: $(2.301.361.000đ - 415.177.249đ)/2 = 943.092.000$ đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà T, ông H mỗi người phải chịu 6.641.500 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Bà T đã nộp đủ. Ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T số tiền 6.641.500 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Bà T và ông H chịu án phí chia tài sản chung trên số tiền mỗi người được hưởng (là 1.150.680.500 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Hồ Sỹ H.

1.2. Về con chung, xử: Giao các cháu Hồ Sỹ Tùng L1; Hồ Sỹ Nhật L2 và Hồ Sỹ Khánh L3, đều sinh cùng ngày 18/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Hồ Sỹ H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho mỗi cháu (*tức là 3.600.00 đồng cho cả 03 cháu mỗi tháng*), kể từ tháng 12/2023 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Nếu lợi dụng việc thăm nom con mà gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Xử: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T sở hữu, sử dụng ngôi nhà xây, vật kiến trúc và quyền sử dụng thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 22, diện tích 154m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 188074 vào sổ cấp giấy số “H” 00330 ngày 22/7/2008, mang tên ông Hồ Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thanh T (tài sản nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất) có trị giá: 2.301.361.000 đồng; trong đó trị giá đất: 2.154.844.800 đồng; trị giá nhà 146.516.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Sỹ H số tiền chênh lệch chia tài sản chung là: 943.092.000 (*Chín trăm bốn mươi ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn*) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 26/12/2023 là: **415.177.249** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 357.200.000 đồng; nợ lãi là: 55.661.859 đồng, lãi phạt là: 2.315.390 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019. Bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 27/12/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1811/2019-HĐCV/NHCT450 ngày 18/11/2019 giữa: Ông Hồ Sỹ H, bà Nguyễn Thị Thanh T với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G cho đến khi trả hết nợ và tắt toán hợp đồng.

Trường hợp bà T không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2015/HĐTC đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q - Phòng G và ông Hồ Sỹ H, bà Nguyễn Thị Thanh T ngày 24/08/2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà tâm, ông H mỗi người phải chịu 6.641.500 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Bà T đã nộp đủ. Ông Hồ Sỹ H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T số tiền 6.641.500 (*Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn năm trăm*) đồng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chịu án phí chia tài sản chung 46.520.400 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 28.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000391 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà; Bà T còn phải nộp thêm 18.020.400 đồng án phí.

3.2. Ông Hồ Sỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 46.520.400 đồng tiền án phí chia tài sản chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND, Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- UBND Phường 5;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Xuân Hương